

## VÀI NÉT VỀ TÍNHƯỞNG, TÔN GIÁO CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI CƠ HO Ở TỈNH LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

LÊ MINH QUANG<sup>(\*)</sup>

**L**âm Đồng là một tỉnh nằm ở Nam Tây Nguyên với diện tích 9.775,16 km<sup>2</sup>, có trên 40 dân tộc anh em sinh sống với tổng dân số là 1,2 triệu người. Lâm Đồng cũng là một tỉnh đa dân tộc, gồm dân tộc thiểu số tại chỗ và dân tộc thiểu số di cư từ các tỉnh phía Bắc vào: Cơ Ho, Mạ, Churu, M'Nông, Rắc Lây, Gié- triêng, Xtiêng, v.v... với tổng số đồng bào dân tộc là 256.000 người. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc không đồng đều; Ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và sắc thái văn hóa cũng khác nhau và rất phong phú. Trong các dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng, người Cơ Ho có số dân đông nhất và theo thống kê hiện nay, người Cơ Ho ở tỉnh Lâm Đồng cũng đông nhất nước với 130.937 người phân bố ở 11 huyện, thành phố trong tỉnh. Trong đó, huyện Di Linh có số lượng đông nhất (39.048 người), tiếp đến là huyện Đơn Dương 25.000 người, huyện Đam Rông 18.000 người, huyện Lâm Hà có 17.000 người, v.v...; và ít nhất là huyện Đạ Tẻh có 100 người. Riêng huyện Cát Tiên không có người Cơ Ho.

### 1. Điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục, tập quán của người Cơ Ho

Người Cơ Ho ở Lâm Đồng là một tộc người thuộc ngữ hệ Môn-Khơ me, bao gồm các nhóm địa phương như Srê, Nộp, Cờ Dòn, Chil, Lạch theo tiếng Chăm cổ. Cơ Ho có nghĩa là người ở trên cao,

người miền núi. Mỗi một nhóm địa phương của tộc người này đều có những nét sinh hoạt văn hóa đặc thù và có trình độ phát triển kinh tế, xã hội chênh lệch nhau.

Trước đây, người Cơ Ho cũng như các dân tộc ở Tây Nguyên chưa hề có chữ viết. Năm 1949, người Pháp đã tiến hành xây dựng chữ Cơ Ho theo mẫu tự Latinh nhưng chỉ phổ biến trong một phạm vi hẹp. Người Cơ Ho ở dọc quốc lộ 20, ngoại vi thành phố Đà Lạt, thị trấn Di Linh, Lạc Dương, Đơn Dương đều nói thông thạo tiếng Việt. Ngoài ra, nhiều nhóm Cơ Ho do quá trình tiếp xúc và sống gần với các dân tộc khác nên cũng nói được tiếng Stiêng, M'Nông thuộc ngữ hệ Môn - Khơ me và tiếng Raglai, Êđê, Churu, Chăm thuộc ngữ hệ Mã Lai- Đa đảo.

Srê là nhóm có dân số đông nhất. Họ có mặt ở hầu hết các huyện của tỉnh Lâm Đồng nhưng tập trung đông nhất ở huyện Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà và Lạc Dương.

Nhóm Chil trước đây cư trú rải rác trên vùng núi cao thuộc thượng lưu sông Krông Nô. Do sống du canh, du cư họ đã di chuyển dần xuống phía Nam (vùng Bắc và Đông Bắc thành phố Đà Lạt) kề cận với địa bàn cư trú của nhóm Lạch, cùng người Churu và người Rắc Lây. Hiện nay, họ cư trú trên địa bàn các

\*. ThS., Ban Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng.

huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Lạc Dương, Đơn Dương và vùng phụ cận thành phố Đà Lạt.

Nhóm Lạch cư trú tập trung ở xã Lát và một số vùng thung lũng xung quanh thành phố Đà Lạt. Do có điều kiện tiếp xúc, giao lưu nhiều với người Kinh nên đời sống kinh tế nhóm này có những tiến bộ nhất định so với các nhóm Cờ Dòn, Nộp, Chil, v.v...

Nhóm Nộp cư trú phía Nam huyện Di Linh, ven đường số 8 từ Di Linh đi Phan Thiết. Do quá trình giao lưu văn hóa- xã hội lâu đời với các dân tộc anh em ở Bình Thuận, nhất là người Chăm nên người Cơ Ho Nộp còn lưu giữ một số yếu tố văn hóa của các dân tộc đó như tục ăn trâu và trồng trâu cau.

Nhóm Cờ Dòn cư trú ở miền núi phía Đông - Nam huyện Di Linh, kề cận với địa bàn cư trú của người Nộp, tập trung đông nhất tại xã Đinh Trang Hòa, xã Gia Bắc, huyện Di Linh.

Nghề chính của người Cơ Ho là trồng trọt, tùy theo đặc điểm địa lí và xã hội của từng nhóm mà nghề trồng trọt của họ có những nét khác nhau. Người Chil, Cờ Dòn, Nộp cư trú ở vùng núi cao, nên đất đai trồng trọt dựa vào phát rừng, làm rẫy; ngô, lúa rẫy, sắn là nguồn lương thực chủ yếu của họ. Trong khi đó, phương thức canh tác của người Srê là trồng lúa trên ruộng nước nên gạo là lương thực chính trong vùng Srê.

Người Chil, Cờ Dòn, Nộp trước đây thường chọn những khu rừng già nhiều cây cổ thụ trên những sườn núi cao, độ dốc lớn để phát đốt làm rẫy. Người Chil thích cư trú trên những ngọn núi cao, sườn hiểm trở chứ không thích ở dưới các thung lũng thấp hoặc vùng cao nguyên tương đối bằng phẳng. Công cụ

sản xuất cổ truyền có: Rìu, xà gạc, gậy chọc lỗ tra hạt.

Trước đây, các nhóm người Chil, Nộp, Cờ Dòn quần cư ở đâu thì đốt rẫy, làm nương ở đó. Khi rẫy bạc màu thì dời đi nơi khác.

Điển hình về phương thức canh tác lúa nước là nhóm Srê. Từ Srê trong ngôn ngữ Cơ Ho có nghĩa là ruộng. Vì nhóm này sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng nước ở trong thung lũng. Công cụ canh tác của người Srê, người Lạch có cuốc, cày với hai trâu kéo, bừa và kơ dùng để sang đất cho bằng rồi gieo sạ lúa. Ngoài trồng trọt, người Cơ Ho còn săn bắt, hái lượm các loại sản phẩm từ rừng và đánh bắt cá dưới các sông, suối. Trong gia đình, người Cơ Ho thường nuôi trâu, bò chủ yếu để dùng làm sức kéo và giết mổ vào các dịp tế lễ.

Ở tất cả các nhóm Cơ Ho đều có nghề thủ công cung cấp những sản phẩm cần thiết cho nhu cầu của dân làng. Các sản phẩm dư được đưa ra trao đổi ở các chợ, thị trấn trong vùng. Phổ biến nhất là các nghề dệt vải thổ cẩm, đan lát đồ mây, tre, cói, rèn công cụ và vũ khí truyền thống là nghề thủ công của người Cơ Ho. Một số nơi còn có nghề làm đồ gốm dùng trong gia đình và trao đổi.

Đơn vị xã hội cao nhất mà người Cơ Ho đạt đến là Bon. Đó vừa là một đơn vị tổ chức xã hội, vừa là một đơn vị kinh tế tự cấp, tự túc của dân tộc Cơ Ho. Bon là làng truyền thống theo kiểu một công xã nông thôn hoặc công xã láng giềng mang đậm dấu vết của công xã thị tộc mẫu hệ, dựa trên cơ sở cư trú của những căn nhà dài, kề cận nhau theo nhóm dòng họ. Đứng đầu Bon là già làng. Về quyền lợi kinh tế, chủ làng cũng giống như mọi thành viên khác của làng, nhưng về mặt tinh thần, già làng

lại có một uy tín tuyệt đối so với các thành viên khác của làng. Chủ làng là hiện thân của truyền thống và là một yếu tố tinh thần đưa đến sự thống nhất của cộng đồng trong xã hội cổ truyền của người Cơ Ho.

Trong xã hội truyền thống, chủ làng cùng với thầy cúng và các gia trưởng hợp thành tầng lớp trên của người Cơ Ho. Sự khác biệt giữa các tầng lớp trong xã hội truyền thống chủ yếu dựa vào sự khác biệt chút ít về tài sản, tư liệu sinh hoạt như Chiêng, ché cổ, nồi đồng, chũr chưa phải là các tư liệu sản xuất chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp, chưa có sự bóc lột sức lao động của những thành viên khác trong cộng đồng. Nhưng trong xã hội đó đã xuất hiện sự phân tầng xã hội, kẻ giàu, người nghèo “con ở” hoặc “tôi tớ” trong gia đình. Đó chính là dấu hiệu của một xã hội đang trong thời kì quá độ từ sự tan rã của xã hội nguyên thủy sang xã hội có đẳng cấp.

Trong xã hội truyền thống của người Cơ Ho tồn tại 2 hình thức tổ chức gia đình: gia đình lớn mẫu hệ và gia đình nhỏ mẫu hệ. Theo xu thế phát triển, quá trình giải thể các gia đình lớn chuyển dần sang gia đình nhỏ đang diễn ra mạnh mẽ. Loại hình gia đình nhỏ đang ngày càng chiếm số lớn. Điều đáng chú ý là dù ở gia đình lớn hay gia đình nhỏ, những dấu ấn mẫu hệ vẫn được duy trì và bảo tồn. Con cái sinh ra đều theo họ Mẹ, quyền thừa kế tài sản thuộc về những người con gái.

Chế độ hôn nhân một vợ, một chồng và cư trú bên nhà vợ đã được xác lập và duy trì một cách khá chặt chẽ trong xã hội. Người phụ nữ hoàn toàn đóng vai trò chủ động trong hôn nhân. Tập tục cổ truyền của người Cơ Ho tuyệt đối cấm kị việc kết hôn giữa những người có cùng một dòng

họ nhất là ở cùng một địa phương. Sau khi vợ chết, người chồng có thể kết hôn với người em gái của vợ, hoặc người chồng chết, người vợ có thể kết hôn với người em trai của chồng, nếu đôi bên ưng thuận. Cho đến nay, hôn nhân của người Cơ Ho dựa trên cơ sở sự ưng thuận giữa đôi bên trai gái. Sau hôn lễ, người con trai thường về ở nhà vợ nhưng nếu gặp trường hợp gia đình hiếm muộn thì cô dâu vẫn có thể cư trú bên chồng.

## **2. Tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng người Cơ Ho**

Do trình độ phát triển xã hội còn thấp, người Cơ Ho tin rằng mọi mặt đời sống của mình đều do các thế lực siêu nhiên quyết định. Chẳng hạn, nếu mùa màng tốt là do thần linh ban cho. Nếu bệnh hoạn, ốm đau là do ma quỷ ám hại. Tín ngưỡng về siêu nhiên của người Cơ Ho cũng như các dân tộc ít người khác ở Tây Nguyên nói chung tin vào ý niệm một bên là thần luôn luôn phù hộ con người và một bên là ma quỷ luôn luôn làm hại con người.

Về các thần (Yàng), trong quan niệm của người Cơ Ho có một vị thần tối cao, chúa tể của các vị thần khác, tên gọi là Ndu, là vị thần khai sáng vũ trụ và là vị thần bảo hộ tối cao của con người. Thần Ndu ít khi được biểu hiện qua những hình ảnh cụ thể. Phần đông người Cơ Ho chỉ có một ý niệm lơ mơ về vị thần này, đó là vị thần hiện diện khắp mọi nơi, có quyền năng tuyệt đối và luôn luôn che chở cho con người, nhất là người Cơ Ho.

Mặc dù là thần tối cao nhưng trong các dịp tế lễ, người Cơ Ho ít cầu đến vị thần này mà thường cầu xin những vị thần khác thấp hơn. Do đó, Ndu là thần tối cao, tượng trưng cho sự an lành nhưng không gần gũi với người Cơ Ho

bằng những vị thần khác ở ngôi vị thấp hơn.

Những vị thần khác thì rất nhiều như: thần Mặt Trời, thần Mặt Trăng, thần Núi, thần Sông, thần Đất, thần Ruộng, thần Nhà, thần Ché rượu, thần Kho lúa, thần Rừng, thần Đá, v.v... Tất cả những vị thần này đều có bản chất tốt, làm những điều lành cho con người. Đối nghịch với các thần là những ma quỷ (Chà) luôn luôn gây ra những tai nạn cho con người như: phá hoại mùa màng, gieo các bệnh tật. Mục tiêu chính của Chà là làm hại con người. Người Cơ Ho tin rằng chính Chà là kẻ “ăn linh hồn” người chết. Do quan niệm về sự chi phối của thần và ma quỷ đối với đời sống, người Cơ Ho thường phải cúng để cầu xin vào các dịp như: mùa màng, hôn nhân, tang ma, ốm đau. Tùy theo tầm quan trọng của buổi lễ mà người ta có thể giết trâu, bò, gà, dê để làm vật hiến dâng cho thần linh. Buổi lễ nào cũng có tế sinh và có rượu vì họ tin rằng thần cũng như con người cũng rất thích ăn thịt và uống rượu. Đa số các cuộc lễ đều do gia đình tiến hành và người chủ gia đình là chủ lễ.

Trong làng, thấy cúng là nhân vật có nhiệm vụ trừ khử tai họa. Thấy cúng có thể là đàn ông hay đàn bà. Ngoài việc cúng thần chữa bệnh cũng làm nương, phát rẫy cho mọi người trong làng. Sự tin tưởng vào thần thánh nhiều khi mù quáng. Lợi dụng vào hiện tượng này, khi có dịch bệnh, chết chóc, người xấu bụng thù oán sẽ phao tin là có ma lai.

Tùy theo tính chất của việc sản xuất mà quy định nghi lễ cúng tế thần linh. Người Srê, Nộp làm lúa nước thì có các nghi lễ tế thần liên quan đến công việc sản xuất lúa nước: Đầu tiên là lễ gieo trồng (nhô sih Srê) tiến hành ngay tại ruộng. Người ta lấy máu gà đổ vào hạt

giống, trộn đều và đem gieo. Sau đó trộn với than và lá khoai môn cắt nhỏ rắc quanh ruộng, hi vọng thần linh giúp họ cho hạt giống nảy đều, thời tiết ôn hòa và sâu bệnh, chuột không phá hoại.

Khi cây lúa gieo trồng xong, người ta làm lễ “rửa chân trâu”. Lễ được tiến hành tại nhà của từng gia đình vào buổi tối tại chuồng trâu. Lễ nghi được tiến hành như sau: gia chủ cắt cổ gà, lấy máu đổ vào cái bình có sẵn nước lã, nghệ, lá môn, cỏ tranh, lá cây nôhamông đã cắt nhỏ. Cúng xong, bình nước được đổ ở cửa chuồng trâu để trừ khử ma quỷ gây bệnh tật cho trâu để con trâu được béo khỏe, sinh sản nhiều. Sau đó, mọi người tổ chức ăn uống. Trong lúc ăn uống, người ta lấy lưỡi cày vồ nhẹ vào bụng bầy cái với dụng ý nhắc nhở thời vụ vất vả đã qua.

Khi lúa tốt đầy đồng, cả làng tổ chức lễ tế thần dưới chân núi để tạ ơn thần linh đã cho mưa thuận gió hòa (gọi là lễ nho wer: cái chòi). Cái chòi ngoài việc thờ thần, còn là nơi để tổ chức đâm trâu tế thần lúa trở bông (nhô kẹp) để cầu cho lúa ra nhiều bông và không bị sâu bệnh phá hoại. Khi lúa chín, từng gia đình làm lễ tại ruộng của mình gọi là lễ trồng cây nêu (nhô tốt đông) và lễ cầu lúa chín đến chắc hạt (nhô kalang kô lon). Khi lúa đã thu hoạch, phơi khô, quạt sạch, đổ vào kho, người ta cũng làm lễ, gọi là lễ quạt lúa (nhô san koi). Lễ cuối cùng được tổ chức tại kho thóc (khi thu hoạch xong đã đổ vào kho), lễ này gọi là lễ nô lir vong, có nghĩa là đập nắp kho thóc.

Đối với các nhóm người Chil, Lạch sống bằng nghề nương rẫy, các lễ liên quan đến việc làm rẫy như lễ cúng rừng, phát rẫy, lễ gieo hạt, lễ cầu mưa, lễ trừ sâu bọ, chuột và thú rừng phá hoại, lễ cầu lúa chín, lễ mừng cơm mới, v.v... đều

được tổ chức đơn giản nhưng không kém phần quan trọng.

Trong tất cả các lễ tế thần của người Cơ Ho, quan trọng nhất là lễ đâm trâu, tế thần vào những lúc mùa màng thu hoạch xong. Những gia đình khá giả có điều kiện cũng tổ chức lễ đâm trâu tế thần và khao dân làng, nhưng phổ biến nhất là lễ đâm trâu. Nghi lễ đâm trâu mang tính cộng đồng làng xã với mục đích cảm tạ thần linh, cảm tạ Yàng đã cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu hoặc đâm trâu cúng thần mừng về buôn mới, kết nghĩa giao hòa với các buôn xung quanh. Nghi lễ đâm trâu được tiến hành như sau: Từ ngày hôm trước, dân làng chuẩn bị cho lễ đâm trâu. Các già làng, người già bàn bạc, chọn địa điểm đâm trâu, phân công mỗi người một việc, làm và dựng cây nêu, dựng dàn buộc trâu, làm bộ tế thần, rượu cần. Khi chuẩn bị xong, người ta đem trâu đến buộc từ chiều hôm trước, các gia đình đem đến mỗi nhà một ché rượu cần và tối hôm đó, mọi người tập trung tại địa điểm đâm trâu, uống rượu cần, đánh đồng la, múa hát, trò chuyện thâu đêm suốt sáng. Sáng hôm sau, lễ đâm trâu được cử hành trước lúc mặt trời mọc. Già làng cầm xà gạc cắt cổ gà lấy máu bôi vào đầu trâu và cây nêu, bôi lên trán mọi người xung quanh rồi khấn tế thần linh. Lúc này, tiếng tù va, tiếng trống, tiếng đồng la nổi lên thổi thúc. Một người đàn ông khỏe mạnh dùng xà gạc chặt hai nhượng sau con trâu. Trâu khụy xuống, các chàng trai cầm lao (cây le vót ngọn) đâm vào vai, vào ngực con trâu. Già làng lấy máu trâu quệt vào cây nêu, hàng rào, trán mọi người và cầu khấn mọi điều tốt lành cho dân làng. Khi con trâu chết hẳn thì lễ đâm trâu cũng chấm dứt. Mọi người tập trung lột da, xả thịt trâu chia cho dân

làng. Không khí nhộn nhịp như tết, nhà nào cũng ăn thịt trâu, uống rượu cần và chúc tụng lẫn nhau. Cuộc vui kéo dài vài ba ngày, có khi cả tuần hoặc nửa tháng.

Ngoài việc theo tín ngưỡng cổ truyền thì người Cơ Ho ở Lâm Đồng còn theo Công giáo, Tin Lành giáo và Phật giáo. Năm 1929, ông bà giáo sĩ Herbert A. Jackson, người Mỹ, thuộc Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp và mục sư Lê Văn Quế đến Lâm Đồng và tiếp xúc với một người dân tộc Srê tại xã Tà In, huyện Đức Trọng và truyền đạo cho 04 người thuộc dân tộc Cơ Ho. Do nhu cầu cấp bách việc truyền giáo nên các mục sư xây dựng nhà thờ và Trường Kinh Thánh cho người Cơ Ho. Đồng thời biên soạn Kinh Thánh bằng tiếng Cơ Ho. Ngoài ra, họ còn biên soạn 366 bài thánh ca bằng tiếng Cơ Ho. Các mục sư, truyền đạo không quản đường xá xa xôi, đi lại khó khăn để tìm hiểu nếp sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng cổ truyền tìm ra những phương thức truyền giáo phù hợp. Họ sẵn sàng 3 cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với người Cơ Ho để tạo mối quan hệ gần gũi thân thiện. Để truyền giáo hiệu quả, họ bài bác việc thờ cúng nặng nề tốn kém theo phong tục truyền thống. Các truyền đạo giảng rằng: Chúa là Yàng, chỉ cần tin Chúa Giêsu là sẽ được cứu rỗi lên Thiên Đàng. Hiện nay, hệ phái Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) dịch Kinh Thánh ra tiếng Cơ Ho và đã xuất bản.

Song song với việc truyền đạo của đạo Tin Lành thì Công giáo xâm nhập vào vùng dân tộc thiểu số khá sớm. Ngày 14/10/1926, Giám mục Dumortier viết bài sai cho Linh mục Jean Cassaigne ở giáo xứ Cát Môn đi nhận công tác mục vụ tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 07/12/1927, Linh mục Jean Cassaigne đã rửa tội cho bà Maria KaTrút (người Cơ Ho). Bà Maria KaTrút là người dân tộc

thiếu số đầu tiên lãnh nhận bí tích rửa tội, là hoa quả đầu mùa cho công cuộc truyền giáo. Sau đó, để việc truyền giáo cho thuận tiện, năm 1929, Linh mục Jean Cassaigne in cuốn từ điển Cơ Ho - Pháp - Việt. Đây là cuốn từ điển đầu tiên hình thành chữ viết cho dân tộc Cơ Ho. Tiếp sau đó, là các linh mục dòng Chúa Cứu Thế, dòng Nữ Kinh viện Augustino đến truyền giáo cho người Cơ Ho và hình thành nhiều trung tâm truyền giáo cho dân tộc thiểu số nói chung và người Cơ Ho nói riêng. Sau năm 1975, công cuộc truyền giáo cho người Cơ Ho vẫn tiếp tục được quan tâm. Người Cơ Ho hoạt động tôn giáo hoặc trong các giáo xứ dành riêng hoặc trong các giáo xứ khác xen lẫn với người Kinh. Có những giáo xứ toàn người dân tộc Cơ Ho như giáo xứ Lang Biang (huyện Lạc Dương), giáo xứ Ka La, giáo xứ Tam Bó, giáo xứ Ka Ming (huyện Di Linh), giáo họ B'Dơ (huyện Bảo Lâm). Cũng nằm trong chiều hướng truyền giáo và phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Cơ Ho nói riêng, Tòa Giám mục Đà Lạt đã tiến hành các công trình dịch thuật. Dịch kinh lễ và nghi thức bí tích sang tiếng Cơ Ho, biên soạn từ điển. Đồng thời còn thực hiện công trình bảo tồn chứng tích văn minh như: thu góp các dụng cụ sinh hoạt, những sách vở và hình ảnh về đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Cơ Ho nói riêng, sắp xếp thứ tự trong một căn phòng khang trang, rộng rãi tại Tòa Giám mục. Hiện nay, tổng số người Cơ Ho theo đạo Tin Lành là 50.000 người; mục sư, truyền đạo là 97 người. Số tín đồ là người dân tộc Cơ Ho theo Công giáo là 80.000 người, có 04 linh mục là người dân tộc thiểu số (trong đó có 02 linh mục người Cơ Ho là K'Chéoh và K'Brel. Ngoài ra, còn có một số tu sĩ là người Cơ Ho đang theo học tại các đại chủng viện

trong nước, có một số nữ tu là người Cơ Ho. Bên cạnh, còn có một số người Cơ Ho ở huyện Di Linh, Đạ Huoai theo Phật giáo, khoảng 600 người).

Hiện nay, đời sống vật chất và tinh thần của người Cơ Ho được nâng cao cũng như khi theo Công giáo và đạo Tin Lành, người Cơ Ho không cúng thần lúa và các thần khác nhiều như trước đây. Không còn đục tượng để đưa quan tài ra ngoài đi chôn. Lễ hội đâm trâu cũng không diễn ra thường xuyên như trước đây. Đối với người Cơ Ho theo Công giáo, nhà nào cũng làm bàn thờ và treo ảnh Chúa Giêsu còn những người theo đạo Tin Lành thì không làm bàn thờ. Những người này đi lễ thường xuyên, sinh hoạt tôn giáo đều đặn và có niềm tin sâu sắc vào Thiên Chúa. Qua khảo sát thực tế cho thấy, hiện nay người Cơ Ho vẫn giữ một số tín ngưỡng cổ truyền nhưng đã loại bỏ những yếu tố tiêu cực, lạc hậu. Đồng thời, tiếp thu những yếu tố mới trong Công giáo và đạo Tin Lành. Khi Công giáo và đạo Tin Lành truyền vào người Cơ Ho thì các tôn giáo này đã hội nhập với văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của người Cơ Ho.

Tuy nhiên, cùng với thời gian, các thiết chế xã hội, văn hóa và tín ngưỡng truyền thống cũng dần suy yếu và rơi vào khủng hoảng. Tín ngưỡng truyền thống tuy đơn giản nhưng các thủ tục quá nhiều, rườm rà, vất vả và có mặt lại trở thành hủ tục. Đến một lúc nào đó, những hủ tục trở thành gánh nặng cho cuộc sống, cản trở sự tiến bộ, phát triển. Phải chăng, một trong những nguyên nhân để người Cơ Ho tìm đến Công giáo và đạo Tin Lành là muốn thoát khỏi sự nặng nề của tập tục rườm rà, tín ngưỡng lạc hậu, đồng thời, đón nhận một luồng gió mới, thỏa mãn được nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của mình (?)/.